

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THẠNH TRỊ
TỈNH SÓC TRĂNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 106/2024/DS-ST

Ngày: 24-9-2024

V/v tranh chấp hợp đồng tặng
cho quyền sử dụng đất.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠNH TRỊ, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Nghiệp

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Huỳnh Văn Chính

Ông Nguyễn Thành Đông

- Thư ký phiên tòa: Bà Thạch Sơn Hà, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Trị, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Trị, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Nguyệt Hân - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Trị, tỉnh Sóc Trăng; xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 75/2024/TLST-DS ngày 22 tháng 4 năm 2024 về việc "Tranh chấp hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 224/2024/QĐXXST-DS ngày 26 tháng 8 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Liêu Đ, sinh năm 1965 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng.

- Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn N, sinh năm 1996.

Địa chỉ: Ấp T, thị trấn P, huyện T, tỉnh Sóc Trăng.

Theo văn bản ủy quyền ngày 18/3/2024.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Luật sư Biện Công N1 – Văn phòng Luật sư Biện Công N1, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh S (có mặt).

Địa chỉ: Ấp C, thị trấn P, huyện T, tỉnh Sóc Trăng.

- Bị đơn: Bà Liêu Thị Mai T, sinh năm 1995 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Liêu Thị C, sinh năm 1967 (có mặt).
2. Bà Ngô Thị N2, sinh năm 1934 (vắng mặt).
3. Ông Liêu C1 (vắng mặt).
4. Ông Liêu Thanh N3 (có mặt).
5. Ông Thạch Hoài P (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng.

- *Người làm chứng:*

1. Ông Liêu Minh T1, sinh năm 1962 (có mặt).
2. Ông Thạch S, sinh năm 1959 (vắng mặt).
3. Bà Thạch Thị P1, sinh năm 1971 (vắng mặt).
4. Ông Thạch P2 (vắng mặt).
5. Ông Cao D, sinh năm 1956 (có mặt).
6. Ông Lý Hồng H, sinh năm 1954 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Trong đơn khởi kiện ngày 18/3/2024 của nguyên đơn ông Liêu Đ và tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Nguyễn Văn N trình bày:*

Mẹ ông Liêu Đ là bà Ngô Thị N2 có phần đất diện tích 4.266,8m² thửa 358, tờ bản đồ số 02, tọa lạc ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng. Vào năm 1987 bà N2 đã phân chia cho ông Đ và em gái là bà Liêu Thị C mỗi người được ½ diện tích (khoảng 2.133,4m²), phần đất bà N2 cho bà C nằm ngay nền nhà cũ của cha mẹ trước đây, phần đất của ông Đ thì còn để trống chưa cất nhà. Đối với phần đất được cho thì ông Đ chưa làm thủ tục sang tên tách thửa nhưng sự việc mẹ cho đất có anh em Liêu Minh T1 và Thạch Thị P1 đều biết. Ông Đ quản lý sử dụng được thời gian thì đến năm 2000 lập gia đình đi làm ăn xa để lại phần đất này cho mẹ ông là bà N2 quản lý, sử dụng. Trong thời gian ông Đ không có ở nhà thì bà Liêu Thị C lợi dụng mẹ tuổi đã cao, không hiểu biết về mặt giấy tờ nên đã làm thủ tục tặng cho từ bà N2 qua con ruột bà C là Liêu Thị Mai T vào năm 2021.

Sau khi biết sự việc ông Đ có liên hệ bà C, bà T tách thửa, chuyển tên trả lại cho ông phần đất mẹ đã cho nhưng phía bà C, bà T không đồng ý. Sự việc có Ủy ban nhân dân xã T hoà giải nhưng không thành.

Nguyên đơn ông Liêu Đ yêu cầu Tòa án hủy hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa bà Ngô Thị N2 và bà Liêu Thị Mai T đối với phần diện tích khoảng 3.900m², thửa 358, tờ bản đồ 02, tọa lạc tại ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng. Công nhận hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa bà N2 và ông Đ đối với phần đất diện tích 2.133,4m² và buộc bị đơn là bà T và người liên quan phải trả

lại cho ông phần diện tích đất được công nhận nêu trên.

- *Tại biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 16/5/2024 đối với bị đơn bà Liêu Thị Mai T và tại phiên tòa bà T trình bày:*

Ông Liêu Đ là cậu ruột thứ năm của bà, là anh ruột của mẹ bà là bà Liêu Chi C, cụ Ngô Thị N2 là bà ngoại của bà. Bà ngoại sống với mẹ bà từ khi mẹ bà còn nhỏ cho đến năm 2016 khi mẹ bà xây dựng nhà mới thì bà ngoại về sống với dì út là bà Thạch Thị P1, đến nay bà ngoại vẫn ở với dì P1. Nguồn gốc đất tranh chấp diện tích hơn 4.000m² tại thửa 358, tờ bản đồ 02, toạ lạc tại ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng là trước đây của bà ngoại bà, do bà ngoại sống với mẹ bà từ xưa đến nay nên đất đai bà ngoại đều giao cho mẹ bà quản lý sử dụng, mẹ bà cũng nhiều lần thay bà ngoại thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để vay ngân hàng và chuộc về nhiều lần. Bà cũng sống chung với mẹ và bà ngoại từ nhỏ đến lớn. Bà ngoại bà nhiều lần có ý định để lại toàn bộ phần đất nêu trên cho mẹ bà đứng tên quyền sử dụng nhưng mẹ bà không rành chữ nghĩa nên vào năm 2021 bà ngoại bà đã đồng ý làm thủ tục sang tên toàn bộ thửa đất 358 cho bà đứng tên quyền sử dụng, lúc này bà ngoại bà còn minh mẫn, khi làm thủ tục tặng cho quyền sử dụng đất cho bà có mặt bà ngoại bà, mẹ bà, bà và địa chính xã là ông Hà Xuân K và dì út bà là bà Thạch Thị P1, chính anh K địa chính xã là người làm thủ tục lăn tay cho bà ngoại bà vào hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất. Cũng trong năm 2021 bà đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất nêu trên. Từ trước đến nay cậu bà ông Liêu Đ không có sử dụng đất, việc ông Đ trình bày ngoại bà cho ông Đ ½ diện tích đất là không đúng sự thật. Đất do mẹ bà và bà quản lý, sử dụng, hiện nay trên đất có 01 căn nhà cấp 04 của bà và mẹ bà, xây năm 2016, có chuồng gà, một số cây tạp, ngoài ra bà có ủ khoảng 01 công 03 tầm ra để làm ruộng, giữa ranh đất của bà và đất xung quanh đều có bờ. Hiện nay đất đều do bà và mẹ tôi đang trực tiếp sử dụng. Việc ngoại bà là bà N2 tặng cho đất cho bà là đúng quy định pháp luật nên toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Liêu Đ bà không đồng ý.

- *Tại biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 16/5/2024 đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Liêu Thị C và tại phiên tòa bà C trình bày:*

Bà thống nhất lời trình bày của con bà là Liêu Thị Mai T. Ông Liêu Đ là anh ruột của bà, bà Ngô Thị N2 là mẹ ruột bà. Nội dung khởi kiện của ông Đ là không đúng sự thật. Bà sống với mẹ từ khi còn nhỏ cho đến nay. Từ khi còn là thanh niên ông Đ đã thoát ly khỏi gia đình, đi học ở trường dân tộc nội trú của nhà nước cho đến khi kết hôn và sống với gia đình bên vợ, ông Đ đã có 02 đời vợ và sống riêng tư, không sống chung với mẹ bà. Nguồn gốc đất tranh chấp diện tích hơn 4.000m² tại thửa 358, tờ bản đồ 02, toạ lạc tại ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng là trước đây của bà N2, do bà sống với mẹ từ xưa đến nay nên đất đai mẹ đều giao cho bà quản lý sử dụng, bà đóng thuế đất từ khi còn con gái đến khi lấy chồng vẫn tiếp tục đóng thuế, tuy nhiên thời gian đã lâu nên giấy tờ mất hết. Mẹ bà nhiều lần có định chuyển tên đất sang cho bà nhưng do bà chữ nghĩa không rành nên năm 2021 mẹ bà đã làm thủ tục tặng cho toàn bộ thửa đất cho con gái bà đứng tên là Liêu Thị Mai T, hiện nay T đã đứng tên quyền sử dụng đất và giấy chứng nhận

quyền sử dụng đất do T đang cất giữ. Việc ông Đ cho rằng ông Đ sử dụng đất một thời gian đến năm 2000 lập gia đình đi làm ăn xa giao đất lại cho mẹ bà quản lý là không đúng sự thật, từ trước đến nay đất đều do mẹ bà và bà sử dụng và bà là người trực tiếp đóng thuế cho ông Cao D và ông P3 đều làm cơ sở ấp T, xã T, ông Đ chưa từng sử dụng đất. Việc ông Đ cho rằng mẹ bà cho ông Đ ½ diện tích đất nêu trên là không đúng sự thật. Hiện nay đất do bà và con bà là T đang quản lý, sử dụng, trên đất có 01 căn nhà cấp 04 xây năm 2016, có chuồng gà, một số cây tạp, ngoài ra bà có ủa khoảng 01 công 03 tầm ra để làm ruộng. Việc bà N2 tặng cho đất cho con bà là đúng quy định pháp luật nên toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Liêu Đ bà không đồng ý.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cụ Ngô Thị N2, ông Liêu C1 và ông Thạch Hoài P vắng mặt, không có lời trình bày.*

- *Tại phiên tòa người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Liêu Thanh N3 trình bày:*

Ông thống nhất với lời trình bày của chị ông là bà Liêu Thị Mai T, việc ông Đ khởi kiện là không có căn cứ nên ông không đồng ý yêu cầu khởi kiện của ông Đ.

- *Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn Luật sư Biện Công N1 lập luận:*

Về nguồn gốc đất đương sự đều thống nhất của ông Liêu K1 và bà Ngô Thị N2 đây là tài sản chung của vợ chồng, khi ông K1 chết bà N2 chỉ được sở hữu 50% nhưng bà N2 đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng toàn bộ diện tích đất là chưa phù hợp. Việc bà N2 làm hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất cho bà T các đồng thừa kế không biết, nên thủ tục chuyển quyền sử dụng đất chưa hợp pháp. Các đương sự đều thừa nhận hiện nay bà N2 không còn minh mẫn, thời điểm làm thủ tục tặng cho phải có giấy chứng nhận sức khỏe của bà N2 mới phù hợp. Các nhân chứng là những người con trong gia đình đều biết việc bà N2 có tặng cho bà C và ông Đ mỗi người ½ diện tích đất, việc cho đất tuy không làm giấy tờ nhưng có thật. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- *Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa nêu quan điểm:*

Tòa án thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, xác định chính xác quan hệ pháp luật tranh chấp; thu thập chứng cứ đầy đủ, đúng pháp luật; Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và đương sự có mặt đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn không có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Liêu Đ. Án phí và chi phí tố tụng buộc nguyên đơn chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Ông Liêu Đ khởi kiện tranh chấp hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất với bị đơn bà Liêu Thị Mai T. Quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết được pháp luật điều chỉnh tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a, c khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thạnh Trị. Phiên tòa vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Ngô Thị N2, ông Liêu C1, ông Thạch Hoài P, người làm chứng ông Thạch S, bà Thạch Thị P1, ông Thạch P2 vắng mặt. Xét thấy, phiên tòa đã mở lần thứ hai người được Tòa án triệu tập hợp lệ vắng mặt không lý do, Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại Điều 227, Điều 228 và Điều 229 Bộ luật Tố tụng dân sự vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về nội dung tranh chấp, ông Đ trình bày năm 1987 mẹ ruột của ông là cụ Ngô Thị N2 có phân chia cho ông và em gái là bà Liêu Thị C mỗi người được ½ diện tích (khoảng 2.133,4m²) tại thửa 358, tờ bản đồ số 02, tọa lạc ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng, tuy nhiên việc cho đất chỉ nói miệng không làm giấy tờ. Đối với phần đất được cho thì ông Đ chưa làm thủ tục sang tên tách thửa nhưng sự việc mẹ cho đất có anh em Liêu Minh T1 và Thạch Thị P1 đều biết. Ông Đ quản lý sử dụng được thời gian thì đến năm 2000 lập gia đình đi làm ăn xa để lại phần đất này cho mẹ ông là bà N2 quản lý, sử dụng. Trong thời gian ông Đ không có ở nhà thì bà Liêu Thị C lợi dụng mẹ tuổi đã cao, không hiểu biết về mặt giấy tờ nên đã làm thủ tục tặng cho từ bà N2 qua con ruột bà C là Liêu Thị Mai T vào năm 2021. Nay ông yêu cầu Tòa án hủy hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa bà Ngô Thị N2 và bà Liêu Thị Mai T đối với phần diện tích khoảng 3.900m², thửa 358, tờ bản đồ 02, tọa lạc tại ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng. Công nhận hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa bà N2 và ông Đ đối với phần đất diện tích 2.133,4m² và buộc bị đơn là bà T và người liên quan phải trả lại cho ông phần diện tích đất được công nhận nêu trên.

Bị đơn bà Liêu Thị Mai T trình bày năm 2021 bà ngoại là cụ Ngô Thị N2 đã đồng ý làm thủ tục sang tên toàn bộ thửa đất 358 cho bà đứng tên quyền sử dụng, lúc này cụ N2 còn minh mẫn và bà đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất nêu trên. Việc bà N2 tặng cho đất là đúng quy định pháp luật nên toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Liêu Đ bà không đồng ý.

[3] Về nguồn gốc và quá trình sử dụng đất: Thửa đất tranh chấp theo đo đạc thực tế của Tòa án có diện tích 4.176,5m² tại thửa 358, tờ bản đồ 02, tọa lạc ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng, gồm đất ở và cây lâu năm, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh S cấp cho bà Liêu Thị Mai T đứng tên vào ngày 02/11/2022, có nguồn gốc được tặng cho đất được công nhận QSDĐ như giao đất có thu tiền sử dụng đất 300m²; được tặng cho đất được công nhận QSDĐ như giao đất không thu tiền sử dụng đất 3.966,8m², trên đất hiện nay có căn nhà diện tích 144,43m², mái che diện tích 44,4m², chuồng heo diện tích 60,48m², sân lán xi măng diện tích 130,52m², nhà vệ sinh, mộ thắp, một số loại cây trồng gồm xoài, dứa, trâm bầu, tất cả tài sản này thuộc sở hữu của bà Liêu Thị Mai T và bà Liêu Thị C, đất hiện nay do gia đình bà T, bà C, ông Liêu C1, ông Liêu Thanh N3 và ông Thạch Hoài P đang trực tiếp quản lý sử dụng.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thấy rằng, ông Đ yêu cầu Tòa án hủy hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa cụ Ngô Thị N2 và bà Liêu Thị Mai T đối với phần diện tích tranh chấp nêu trên. Căn cứ theo Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất được Ủy ban nhân dân xã T chứng thực ngày 13/10/2022 thể hiện nội dung cụ Ngô Thị N2 đã tặng cho bà Liêu Thị Mai T phần diện tích đất nêu trên là sự thật và hợp đồng đã được chứng thực theo quy định, bà Liêu Thị Mai T đã được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh S cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào ngày 02/11/2022. Các đương sự đều thống nhất đất tranh chấp trước đây của cụ Liêu K1 và cụ Ngô Thị N2, cụ K1 chết năm 1968 là hơn 30 năm nên đất được xác định là tài sản của cụ N2, cụ N2 được quyền định đoạt tài sản của mình và thực tế đã tặng cho bà T là phù hợp quy định pháp luật. Về năng lực hành vi dân sự của cụ N2, ông Đ và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Đ cho rằng thời điểm tặng cho quyền sử dụng đất cụ N2 không minh mẫn nhưng không đưa ra được căn cứ chứng minh.

Ông Liêu Đ khởi kiện cho rằng ông đã được mẹ là cụ Ngô Thị N2 tặng cho đất nhưng chỉ thoả thuận miệng, không lập giấy tờ. Theo quy định tại khoản 1 Điều 502 Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định “*Hợp đồng về quyền sử dụng đất phải được lập thành văn bản theo hình thức phù hợp với quy định của Bộ luật này, pháp luật về đất đai và quy định khác của pháp luật có liên quan*”. Theo quy định tại khoản 3 Điều 188 Luật đất đai năm 2013 quy định: “*Việc chuyển đổi, chuyển nhượng, cho thuê, cho thuê lại, thừa kế, tặng cho, thế chấp quyền sử dụng đất, góp vốn bằng quyền sử dụng đất phải đăng ký tại cơ quan đăng ký đất đai và có hiệu lực kể từ thời điểm đăng ký vào Sổ địa chính...*”. Từ các quy định trên cho thấy, ông Đ khởi kiện nhưng không chứng minh được yêu cầu khởi kiện của mình là có căn cứ nên Hội đồng xét xử không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu Tòa án hủy hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa cụ Ngô Thị N2 và bà Liêu Thị Mai T đối với phần diện tích khoảng 3.900m², thửa 358, tờ bản đồ 02, tọa lạc tại ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng; công nhận hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa bà N2 và ông Đ đối với phần đất diện tích 2.133,4m² và buộc bị đơn là bà T và người liên quan phải trả lại cho ông phần diện tích đất được công nhận nêu trên.

[5] Về án phí sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn không được chấp nhận nên nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 300.000 đồng, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0003878 ngày 19/4/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Thạnh Trị.

[6] Về chi phí tố tụng: Tiền thẩm định, định giá 9.674.156 đồng, do yêu cầu của nguyên đơn không được chấp nhận nên nguyên đơn phải chịu số tiền này, được trừ vào số tiền tạm ứng chi phí tố tụng nguyên đơn đã nộp 9.674.156 đồng, nguyên đơn đã nộp xong chi phí tố tụng.

[7] Toàn bộ quan điểm, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạnh Trị là có căn cứ pháp luật, nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Lập luận của Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn chưa đủ căn cứ nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[8] Đương sự được quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a, c khoản 1 Điều 39, Điều 227, Điều 228, Điều 229, khoản 1 Điều 147, Điều 157, Điều 158, Điều 165 và Điều 166 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 3 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Liêu Đ về việc yêu cầu Tòa án hủy hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa bà Ngô Thị N2 và bà Liêu Thị Mai T đối với phần diện tích khoảng 3.900m², thửa 358, tờ bản đồ 02, tọa lạc tại ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng, công nhận hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa bà N2 và ông Đ đối với phần đất diện tích 2.088,3m² và buộc bị đơn là bà T và người liên quan phải trả lại cho ông phần diện tích đất được công nhận nêu trên.

2. Về án phí: Buộc nguyên đơn ông Liêu Đ phải chịu án phí số tiền 300.000 đồng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0003878 ngày 19/4/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Thạnh Trị, nguyên đơn đã nộp xong án phí.

3. Về chi phí tố tụng: Buộc nguyên đơn ông Liêu Đ phải chịu tiền chi phí thẩm định, định giá 9.674.156 đồng, được trừ vào số tiền tạm ứng chi phí tố tụng nguyên đơn đã nộp 9.674.156 đồng, nguyên đơn đã nộp xong chi phí tố tụng.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đối với người vắng mặt kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án tại Ủy ban nhân dân nơi đương sự cư trú để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện Thạnh Trị;
- CCTHADS huyện Thạnh Trị;
- Đương sự;
- Lưu HSVA, Văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thành Nghiệp

